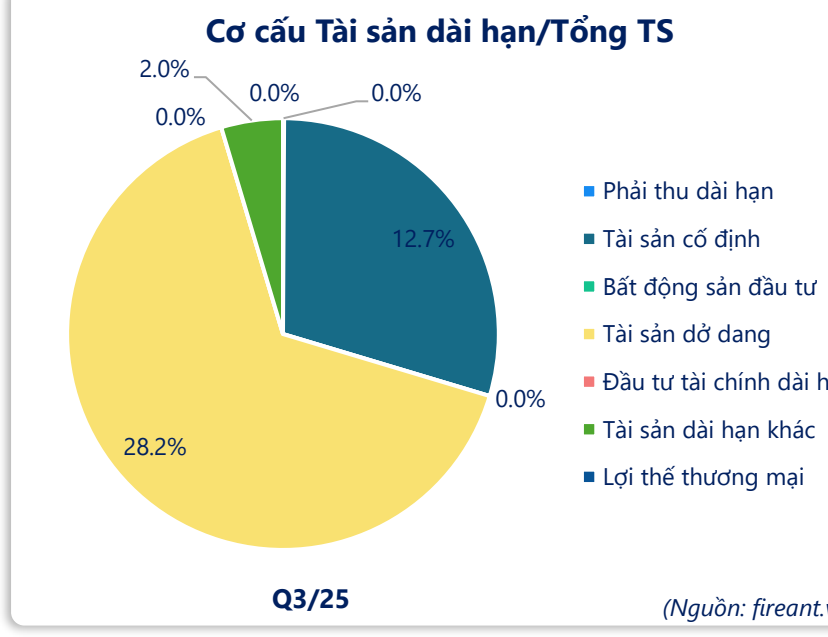
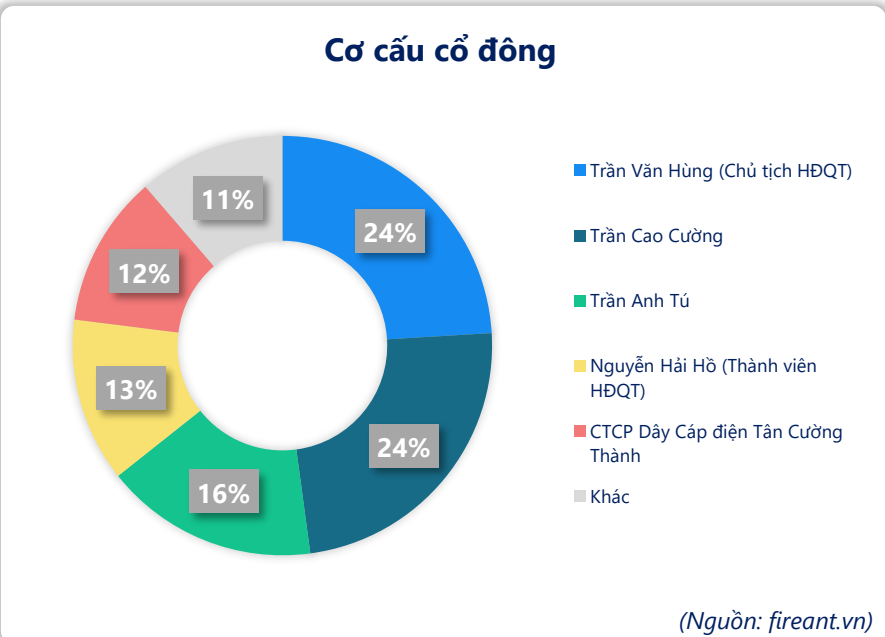
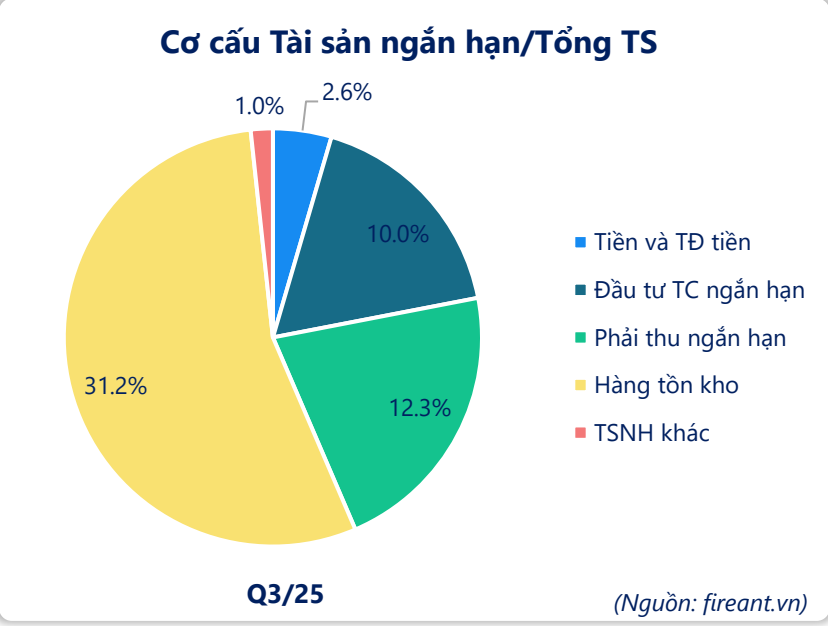
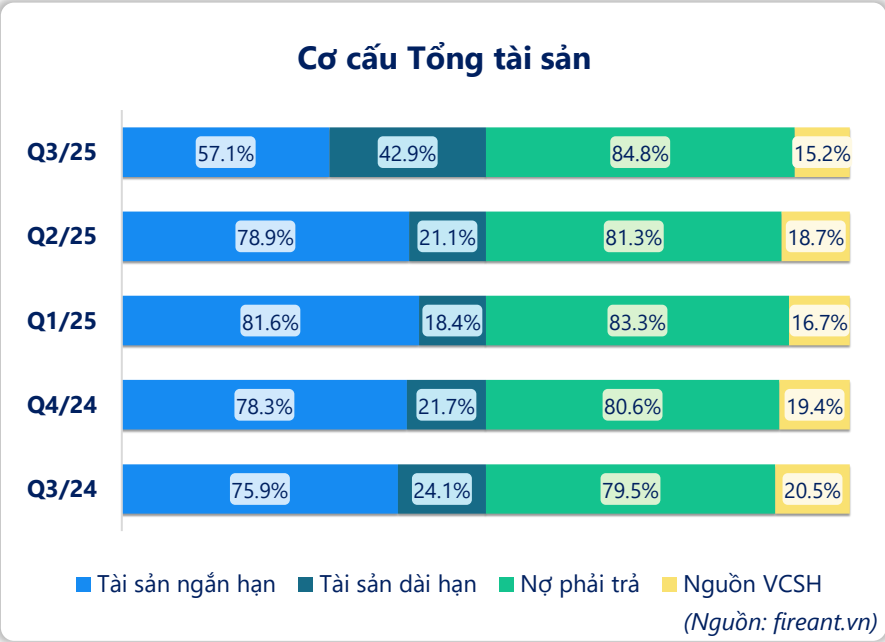
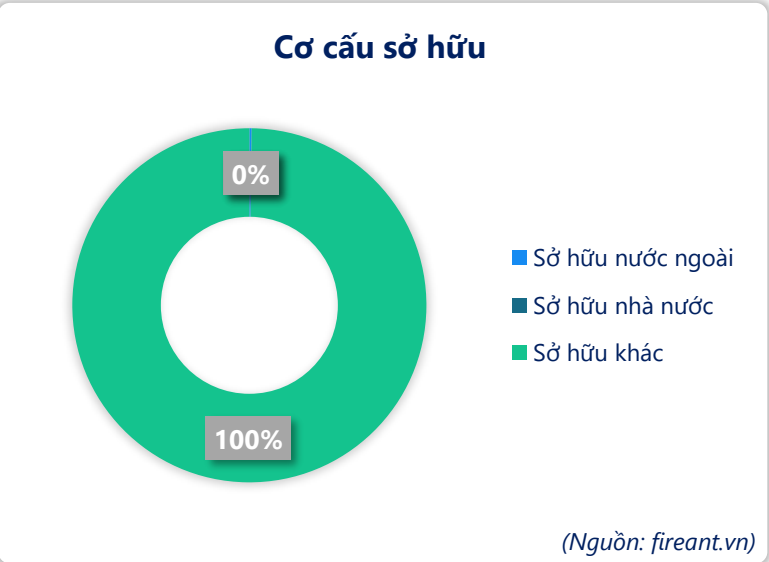
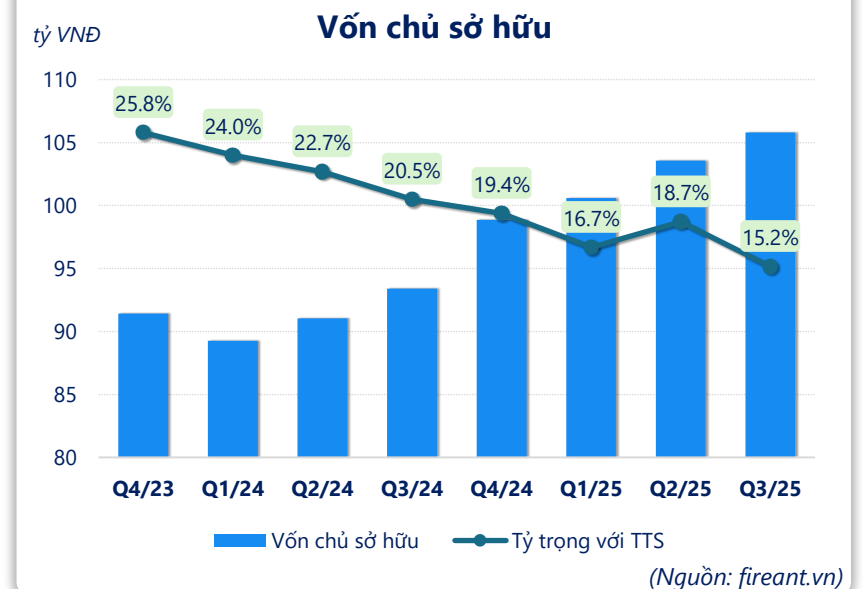
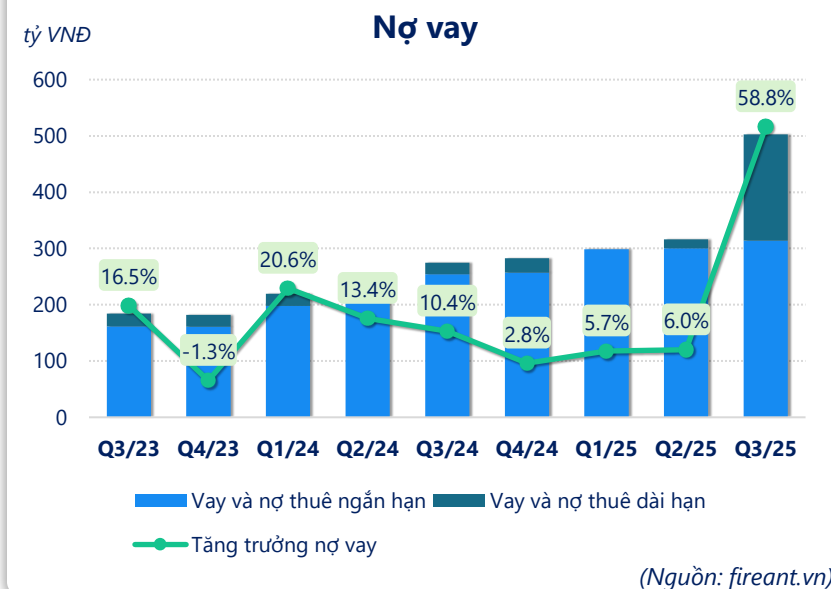
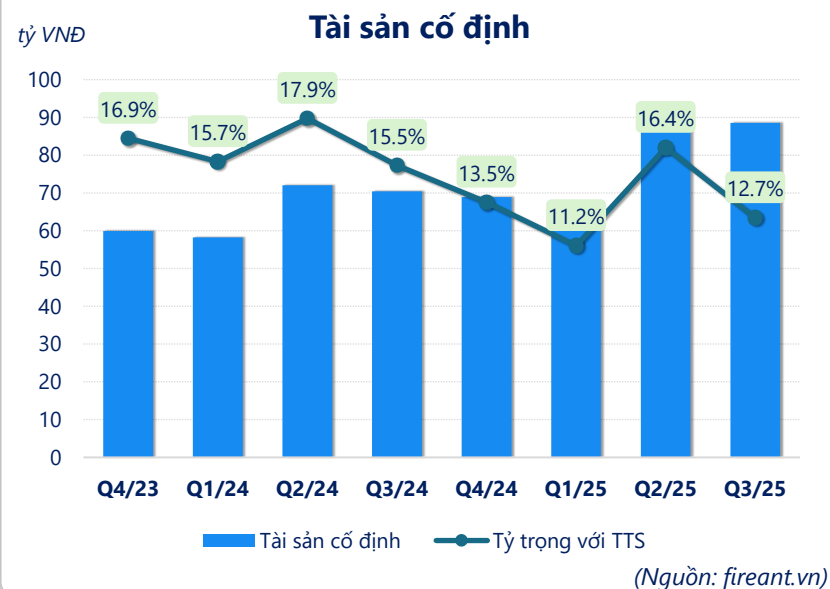
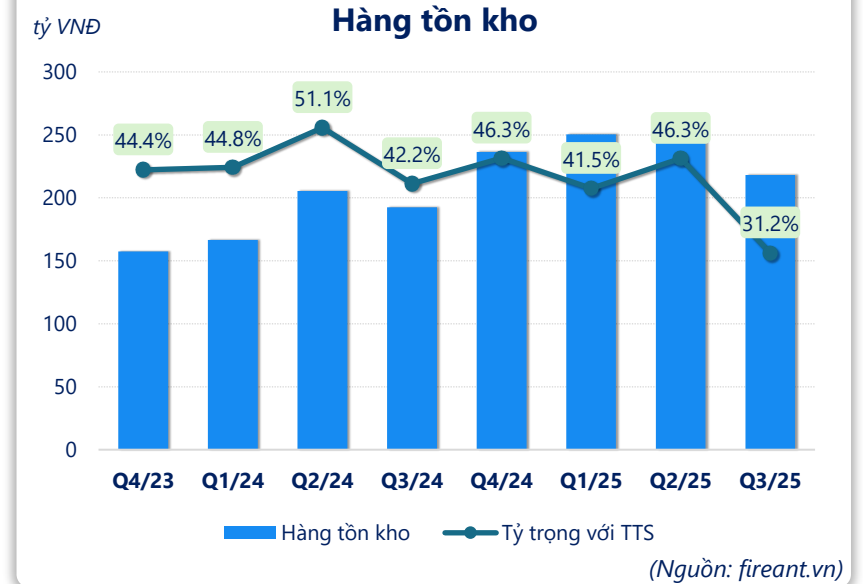
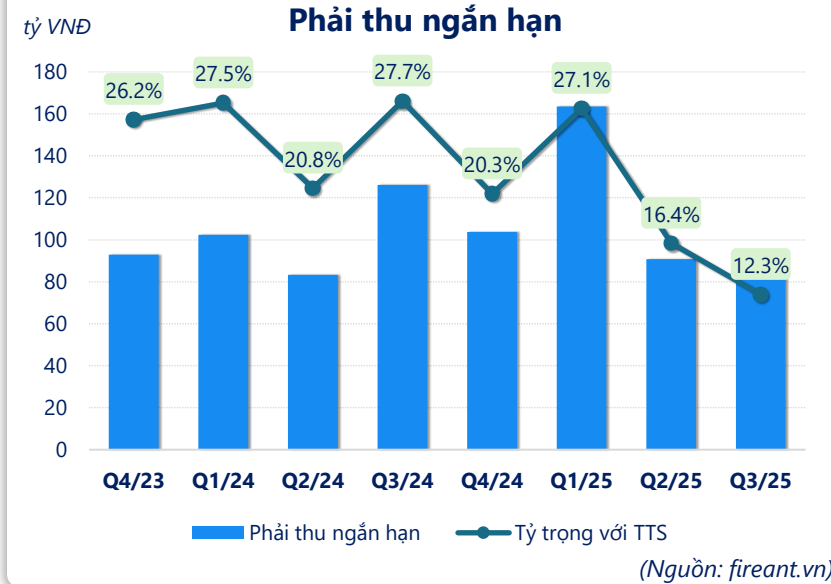
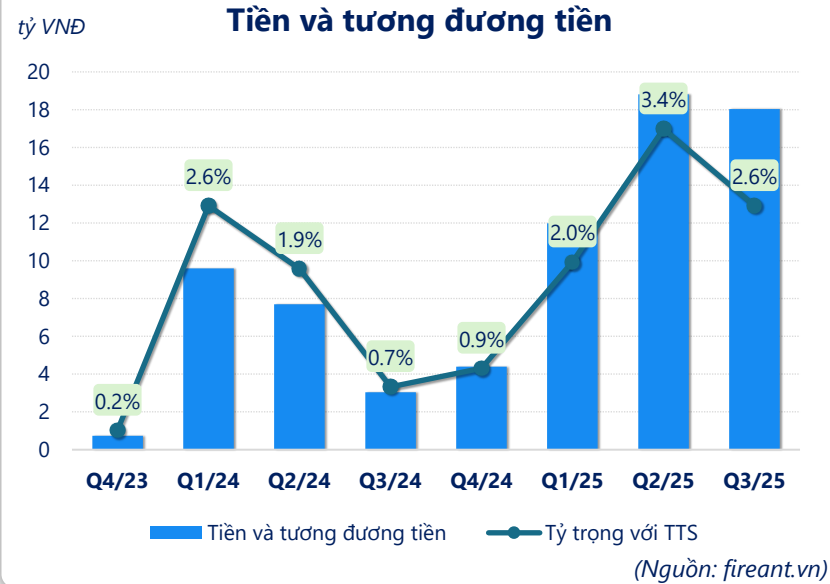
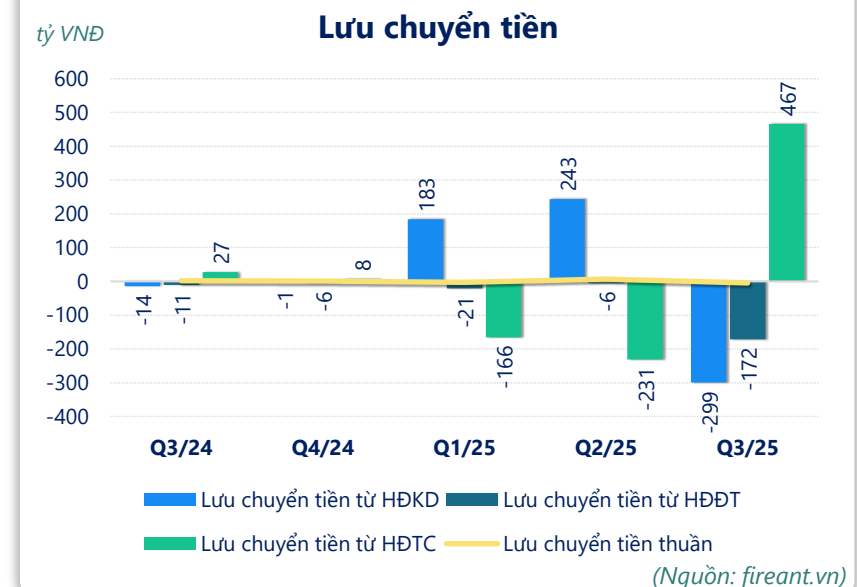
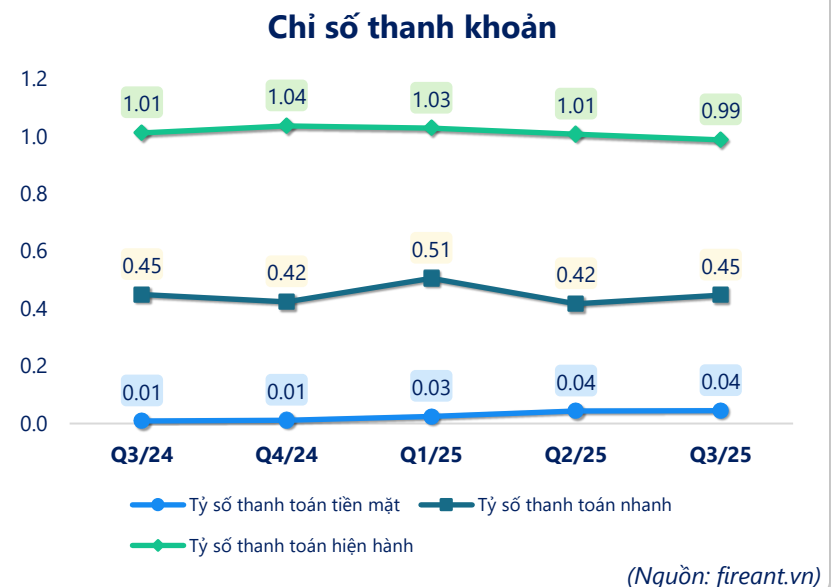
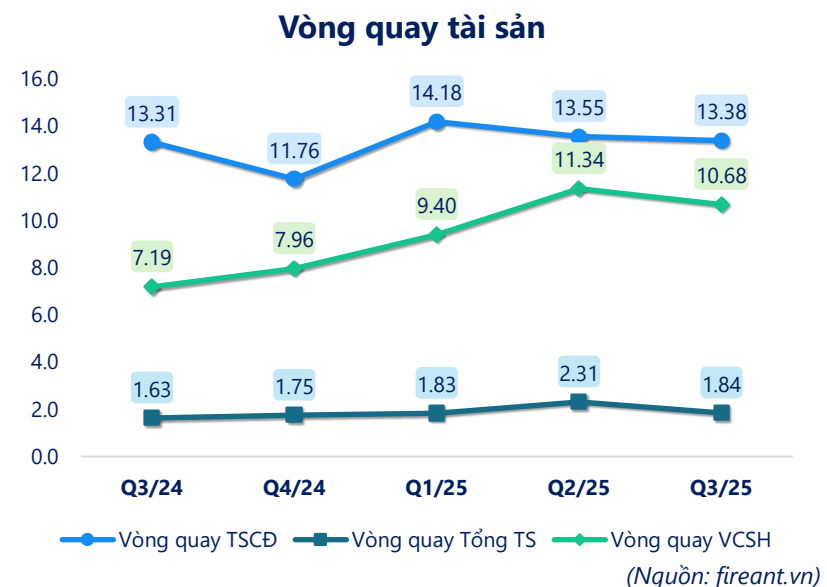
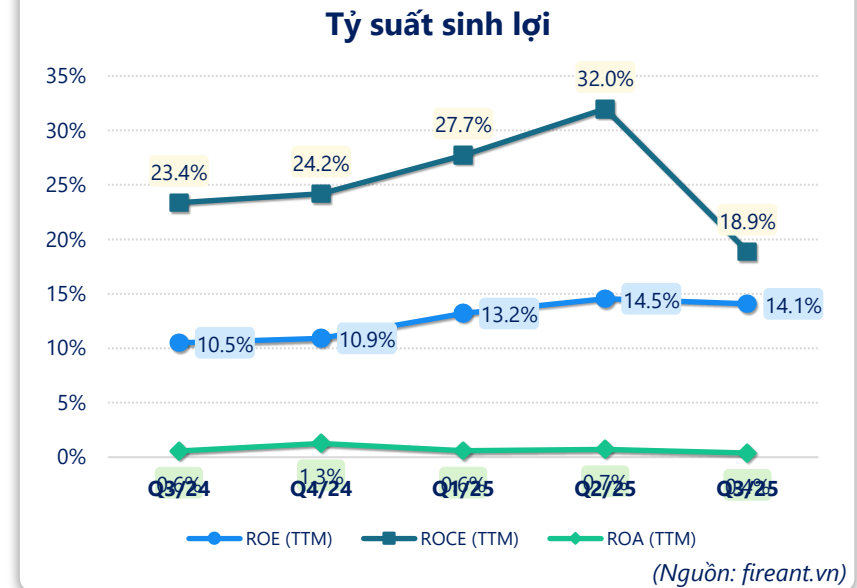
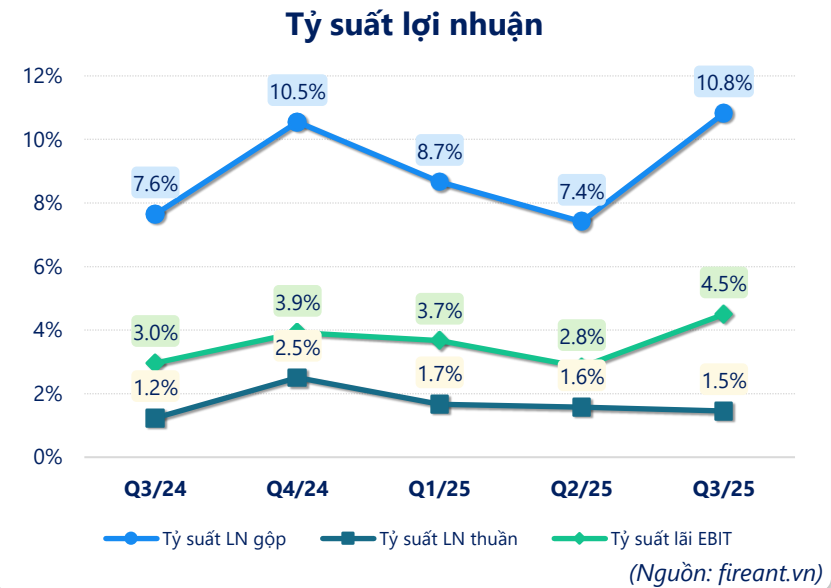
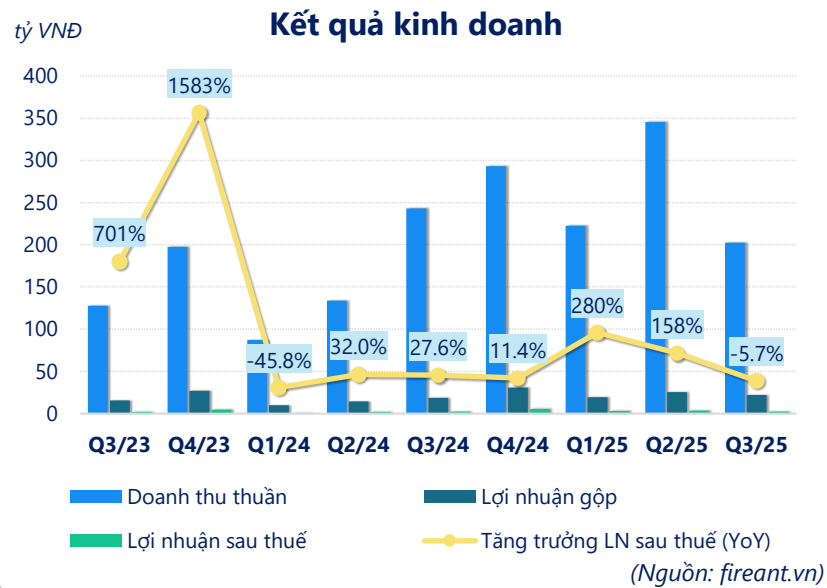


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
SL cổ phiếu LH		7,899,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)		705
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		63
P/E		4.5
EPS		1,775

	YTD	1T	3T	6T
VTH	-3.6%	-5.9%	1.3%	-7.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	698	509	37.1%
Tài sản ngắn hạn	398	399	0.0%
Tiền và tương đương tiền	18.0	14.9	21.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.5	41.5	67.5%
Phải thu ngắn hạn	86.0	103	-16.8%
Hàng tồn kho	218	235	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	6.80	3.63	87.2%
Tài sản dài hạn	300	111	171%
Phải thu dài hạn	0.25	0.25	0.0%
Tài sản cố định	88.5	68.9	28.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	197	23.4	741%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.8	18.0	-23.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	592	411	43.9%
Nợ ngắn hạn	404	389	3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	314	261	20.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.2	107	-47.4%
Nợ dài hạn	189	22.5	739%
Vay và nợ thuê dài hạn	189	22.5	739%
Nguồn vốn chủ sở hữu	106	97.7	8.3%
Vốn chủ sở hữu	106	97.7	8.3%
Vốn điều lệ	79.0	79.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	243	293	222	345	202
Giá vốn hàng bán	225	262	203	320	181
Lợi nhuận gộp	18.6	30.9	19.3	25.6	21.9
Doanh thu HĐTC	0.00	0.25	0.40	0.34	0.78
Chi phí TC	4.27	4.68	4.68	5.78	6.65
Chi phí lãi vay	4.27	4.55	4.54	5.02	6.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.77	16.0	9.06	11.9	11.2
Chi phí QLDN	2.55	3.17	2.22	2.84	1.89
LN thuần từ HĐKD	3.00	7.34	3.71	5.44	2.94
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.41	-0.09	-0.66	-0.16
LN trước thuế	2.95	6.93	3.62	4.78	2.79
Lợi nhuận sau thuế	2.36	5.46	2.90	3.43	2.23
LNST của CĐ cty mẹ	2.36	5.46	2.90	3.43	2.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.4	-0.82	183	243	-299
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.7	-5.77	-20.7	-5.70	-172
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	27.4	7.96	-166	-231	467
Tiền đầu kỳ	0.70	3.04	14.9	12.0	18.8
Lưu chuyển tiền thuần	2.33	1.36	-2.91	6.82	-4.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.04	4.40	12.0	18.8	18.0

(Nguồn: fireant.vn)